TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐÔNG ANH** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2018/HSST.
Ngày 07 – 3 - 2018.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG ANH – THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Hoàng Quang Lịch.

2/ Bà Nguyễn Thị Thanh Hà.

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Văn Hùng - Thư ký Toà án nhân dân huyện Đông Anh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội tham gia phiên toà: Bà Hoàng Thị Huyền - Kiểm sát viên.

Vào ngày 07/3/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 09/2018/HSST ngày 25/01/2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2018/QĐXXST - HS ngày 26 tháng 02 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Nguyễn Doãn T,** sinh năm 1984. Hộ khẩu thường trú và nơi ở: Thôn X, xã Y, huyện Z, Thành phố Hà Nội; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Con ông: Nguyễn Doãn Đ (đã chết) và bà Nguyễn Thị N, có vợ là Nghiêm Thị T1, có 02 con, lớn sinh năm 2009, nhỏ sinh năm 2011; TATS: Danh chỉ bản số 451 do Công an huyện Đông Anh lập ngày 13/10/2017 và Trích lục tiền án, tiền sự số 1294687/PC53 ngày 31/10/2017 thể hiện bị cáo không có tiền sự và tiền án; Nhân thân: Không có các tiền án, tiền sự đã được xóa.

Bị cáo bị bắt khẩn cấp và tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/10/2017 đến nay.

2. Họ và tên: **Phạm Quốc V,** sinh năm 1993. Hộ khẩu thường trú và nơi ở: Đội 6, thôn M, xã B, huyện Z, Thành phố Hà Nội; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 09/12; Con ông: Phạm Văn TH và bà Lê Thị Thu H, có vợ là Nguyễn Thùy L, có 01 con, sinh năm 2013; TATS: Danh chỉ bản số 449 do Công an huyện Đông Anh lập ngày 13/10/2017 và Trích lục tiền án, tiền sự số

1294681/PC53 ngày 31/10/2017 thể hiện bị cáo không có tiền sự và tiền án; Nhân thân: Không có các tiền án, tiền sự đã được xóa.

Bị cáo đầu thú và tạm giữ, tạm giam từ ngày 09/10/2017 đến nay.

Người bị hại:

1. Anh Nguyễn Hồng Q, sinh năm 1985.

Nơi cư trú: Thôn P, xã K, huyện Z, Thành phố Hà Nội. Có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Nghiêm Thị T1, sinh năm 1988;

Nơi cư trú: Thôn X, xã Y, huyện Z, Thành phố Hà Nội. Có mặt tại phiên tòa.

2. Chị Lê Thị Thu H, sinh năm 1972.

Nơi cư trú: Thôn M, xã N, huyện Z, Thành phố Hà Nội. Có mặt tại phiên tòa.

3. Chị Nguyễn Thị N1, sinh năm 1987.

Nơi cư trú: Thôn P, xã K, huyện Z, Thành phố Hà Nội. Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do không sòng phẳng khi thanh toán tiền thuê phòng nhà nghỉ, giữa anh Nguyễn Hồng Q và Nguyễn Doãn T xảy ra mâu thuẫn. Ngày 30/9/2017, Q cùng với 2 đối tượng (Q khai là A trú tại G, Hà Nội và bạn của A, đều không rõ nhân thân) đến đánh T tại cổng nhà của T. Bị đánh đau, nhưng T không trình báo cơ quan Công an, không đến cơ sở y tế điều trị, không đề nghị bồi thường và xử lý Q mà nung nấu ý thức đánh Q để trả thù.

Ngày 08/10/2017, nhân ngày giỗ bố T, T gọi Phạm Quốc V đến nhà anh Nguyễn Doãn T2 (sinh năm 1982; Hộ khẩu thường trú: X, Y, Z, Hà Nội; là anh trai của T) ăn giỗ. Khoảng 20h00’ cùng ngày, T gọi điện thoại số thuê bao 0977.923.355 đến số thuê bao 0169.6039.477 của Nguyễn Văn K1 (sinh năm 1978; Hộ khẩu thường trú: Thôn Đ, P, Z, Hà Nội), biết anh Q đang có mặt tại nhà K1. T về nhà lấy 01 tuýp sắt và 01 thanh đao tự chế sau đó rủ V đi chặn đánh anh Q để trả thù, V đồng ý lấy xe máy wave, màu xanh (không biển kiểm soát của V) chở T đến nhà K1. Thấy trong nhà K1 đông người, T và V đi xe máy đến khu vực Nhà văn hóa thôn Đ, P (cách nhà K1 100m), V đứng gần xe máy, còn T cầm tuýp sắt đứng cạnh V để chặn đánh anh Q.

Khoảng 21h00’ cùng ngày, thấy anh Q đi xe máy từ nhà Nguyễn Văn K1 về K, T lao ra giữa đường chặn lại. Biết T chặn đường đánh trả thù, anh Q tăng ga bỏ chạy. Tay phải T cầm tuýp vung lên vụt 01 phát trúng vùng thái dương bên phải anh Q, anh Q điều khiển xe máy chạy thêm một đoạn thì ngã xuống đường. Thấy

anh Q ngã, Nguyễn Doãn T và Phạm Quốc V lên xe máy tẩu thoát khỏi hiện trường, mang theo tuýp sắt vừa sử dụng đánh anh Q và đao tự chế về nhà T cất giấu. Do bị rơi một chiếc dép, nên trên đường tẩu thoát, V vứt nốt chiếc dép còn lại tại cánh đồng thôn D, Y.

Cho rằng V bị rơi chiếc dép tại hiện trường, T sử dụng điện thoại di động số thuê bao 0977.923.355 gọi đến số thuê bao 09733.290.665 của anh Vương Xuân T3 (sinh năm 1964; Hộ khẩu thường trú: Thôn Đồng, Nguyên Khê, Đông Anh, Hà Nội), nhờ anh T3 đến hiện trường tìm chiếc dép của V. Khoảng 06h00' ngày 09/10/2017, anh T3 đến khu vực hiện trường nhưng không tìm được chiếc dép của V và thông báo cho T biết.

Sau khi T và V bỏ đi, anh Q tỉnh lại và quay về nhà Nguyễn Văn K1 nhờ giúp đỡ và gọi điện báo tin cho anh Nguyễn Văn K2 (sinh năm 1979; Hộ khẩu thường trú: C, P, Z, Hà Nội; là anh rể anh Q). Sau đó, anh Q được gia đình đưa đến Bệnh viện Bắc Thăng Long cấp cứu và chuyển Bệnh viện Xanhpon điều trị.

Bệnh viện Xanhpon xác định thương tích của anh Nguyễn Hồng Q như sau: 01 vết thương vùng trán trái , 01 vết thương vùng thái dương phải , xây sát da mặt , đồng tử hai bên đều , phản xạ ánh sáng (+), bầm tím mắt trái. Ngực, khung chậu vững, ấn đau thành trước ngực , tứ chi vận động bình thường không liệt vận động khớp háng, khớp gối không đau.

Kết quả CT sọ não : Tuyến dưới có hình ảnh vỡ lún xương sọ thái dương phải, dập não, xuất huyết dưới não thái dương phải . Bệnh nhân được chỉ định mổ cấp cứu.

Tại Bản kết luận giám định số 944 ngày 09/11/2017, Trung tâm pháp y Hà Nội kết luận anh Nguyễn Hồng Q thiệt hại 42% sức khỏe. Nhiều khả năng các thương tích do va đập với vật tày, vật tày có cạnh gây nên.

Quá trình điều tra,Cơ quan điều tra đã thu giữ vật chứng:

- Của anh Tô Tiến H (sinh năm 1978; Hộ khẩu thường trú: Thôn Đ, P, Z, Hà Nội): 01 đôi dép tổ ong màu trắng đục là đôi dép của anh Q bị rơi tại hiện trường.

- Của Phạm Quốc V: 01 điện thoại Masster A112 màu đỏ kèm sim số thuê bao 0961.937.063.

- Của anh Nguyễn Ngọc H1: 01 điện thoại Philips màu đen, kèm sim số thuê bao 0971.419.224 và 0963.749.076.

Thu giữ trong quá trình khám xét khẩn cấp nơi ở của Nguyễn Doãn T : 01 tuýp sắt, dài 60cm, đường kính 02cm (hung khí T sử dụng gây thương tích cho anh Q); 01 thanh đao tự chế; 01 sổ hộ khẩu mang tên Phạm Văn K2; 01 khổ giấy in, bìa cứng in chứng minh nhân dân mang tên Phạm Văn Khuê; 01 cây máy tính (CPU); 05 ổ cứng; 01 USB; 01 điện thoại di động Iphone; 02 điện thoại di động Nokia; 01

chiếc kéo; 01 chiếc giũa; 01 đăng ký xe máy mang tên Nguyễn Duy H1; 01 đăng ký xe máy mang tên Nguyễn Ngọc Q1; 02 giấy phép lái xe mang tên Nguyễn Doãn T; 01 giấy đăng ký xe ô tô mang tên Hợp tác xã Vận tải G1; 01 chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Doãn T; 01 chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Tiến T4; 01 bình thủy tinh chứa dung dịch không màu; 02 túi nilong đựng chất bột màu trắng; 03 túi nilong đựng hạt tinh thể màu trắng; 01 đầu thu camera; Các biển số xe 30Z3-3944, 29S1-06032, 14S1-5193 và 30L3-3277.

Đối với chiếc dép V làm rơi tại khu vực hiện trường và chiếc dép V vứt tại cánh đồng thôn C, Z, Cơ quan điều tra đã tổ chức truy tìm nhưng không thu hồi được.

Đối với Nguyễn Văn K1, theo lời khai của T: Ngày 07/10/2017, biết Q và Nguyễn Văn K1 có mẫu thuẫn về việc tranh chấp bãi để bí tại gầm cầu chui qua đường Võ Nguyên Giáp thuộc thôn Đ, P, Z. T sử dụng điện thoại số thuê bao 0977.923.355 gọi điện đến số thuê bao 0169.6039.477 của K1, bàn bạc việc lừa Q lên nhà K1 rồi đánh Q. Khoảng 20h00' ngày 08/10/2017, K1 gọi điện thoại báo cho T biết Q sẽ đến nhà K1 và bảo T bố trí người đánh Q trong nhà K1. Khi T và V đến nhà K1, thấy trong nhà K1 đông người, T và V không vào nhà K1 mà gọi điện thoại bảo K1 ra ngoài nói chuyện. T nói với K1: Trong nhà anh đông người, không làm được. K1 nói: không sao, chờ lát mọi người sẽ về. T nói tiếp với K1: Thôi việc của em tự em giải quyết. Ngoài lời khai của T không có tài liệu nào khác chứng minh nên không đủ cơ sở kết luận Nguyễn Văn K1 đồng phạm, do vậy Cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

Anh Vương Xuân T3 được Nguyễn Doãn T nhờ tìm vứt chiếc dép của V rơi lại hiện trường nhưng anh T3 không tìm thấy. Anh T3 không biết việc T và V đánh gây thương tích cho anh Q nên không có lỗi, Cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

Hành vi của Nguyễn Hồng Q đánh gây thương tích cho Nguyễn Doãn T vào ngày 30/9/2017, T từ chối giám định thương tích và không đề nghị xử lý Nguyễn Hồng Q, do vậy, Công an huyện Đông Anh Quyết định xử phạt hành chính Nguyễn Hồng Q về hành vi Xâm hại sức khỏe của người khác, quy định tại điểm e, khoản 3, điều 5 nghị định 167CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ

Các đối tượng tên A ở G1, Hà Nội và bạn của A, do T khai không rõ nhân thân nên Cơ quan điều tra không làm rõ được .

Xác minh và xử lý vật chứng:

Giấy đăng ký xe máy biển kiểm soát 29S1-41086, mang tên Nguyễn Ngọc Q1 (sinh năm 1993; Hộ khẩu thường trú: V1, V2, Z, Hà Nội). Khoảng cuối năm 2016, anh Q1 đưa chiếc xe máy trên cho chị Nguyễn Thị T4 (sinh năm 1983; Hộ khẩu thường trú: V, V2, Z, Hà Nội) sử dụng để trừ nợ số tiền 31.000.000 đồng

nhưng Q1 nói với anh Nguyễn Xuân K2 (sinh năm 1968; là bố Q1) chiếc xe máy biển kiểm soát 29S1-41086 bị mất trộm. Anh K2 đã đưa giấy đăng ký xe nhờ T tìm lại chiếc xe máy trên. Giấy đăng ký xe máy biển kiểm soát 29S1-41086 là tài sản hợp pháp của anh Q1. Ngày 04/12/2017, Cơ quan điều tra xử lý vật chứng, trao trả cho anh Nguyễn Ngọc Q1.

02 túi nilon đựng chất bột màu trắng và 03 túi nilon đựng hạt tinh thể màu trắng, Phòng kỹ thuật hình sự - Công an TP Hà Nội kết luật không phải là ma túy; Chứng minh nhân dân và 02 giấy phép lái mang tên Nguyễn Doãn T; cây máy tính (CPU), 05 ổ cứng, 01 USB, chiếc kéo cắt giấy, chiếc giũa, 02 chiếc điện thoại Nokia và đầu thu camera tạm giữ trong quá trình khám xét chỗ ở của Nguyễn Doãn T, đều không liên quan đến vụ án. Ngày 04/12/2017, Cơ quan điều tra xử lý vật chứng, trao trả cho chị Nghiêm Thị T1 (sinh năm 1988; Hộ khẩu thường trú: X, Y, Z, Hà Nội) là vợ T.

Đôi dép tổ ong màu trắng đục và chiếc điện thoại Philips, kèm sim số thuê bao: 0971.419.224 và 0963.749.076 là tài sản hợp pháp của anh Nguyễn Hồng Q, ngày 04/12/2017 Cơ quan điều tra xử lý vật chứng, trao trả cho anh Nguyễn Hồng Q.

Sổ hộ khẩu và khổ giấy in, bìa cứng in chứng minh nhân dân mang tên Phạm Văn K2 (sinh năm 1979; Hộ khẩu thường trú: O, B, B1, Hưng Yên), T khai: Đầu năm 2017, anh K1 đặt sổ hộ khẩu, chứng minh nhân dân vay của T 10 triệu đồng. Giấy đăng ký xe ô tô biển kiểm soát 16K-2859 mang tên Hợp tác xã vận tải G1, do anh Nguyễn Thế T4 (sinh năm 1987; Hộ khẩu thường trú: 26/317 Đà Nẵng, U, Ư, Hải Phòng) làm giám đốc, khoảng đầu năm 2013 anh Nguyễn Quang T5 (sinh năm 1979; Hộ khẩu thường trú: M, K, Z, Hà Nội; là bạn của T) giới thiệu anh G2 ở Hải Phòng (không rõ nhân thân) đến gặp T cầm cố giấy đăng ký ô tô, vay của T 20 triệu đồng; quá trình điều tra xác định: Năm 1995 Hợp tác xã G1 đứng tên đăng ký chủ sở hữu hộ xã viên (không rõ nhân thân) chiếc xe ô tô trên, hiện nay Hợp tác xã G1 không quản lý chiếc xe ô tô trên. Giấy đăng ký xe máy biển kiểm soát 29L5-2996 mang tên Nguyễn Duy H1, địa chỉ: Tổ 6c, L, Đ1, Hà Nội; T khai: Khoảng cuối năm 2015, anh H1 (không rõ nhân thân) cầm cố giấy đăng ký xe trên cho T lấy 01 triệu đồng đến nay không thấy anh H1 lấy lại; Quá trình điều tra không xác định được nhân thân của anh Nguyễn Duy H1 nên không làm rõ được nguồn được nguồn gốc giấy đăng ký xe máy biển kiểm soát 29L5-2996. Các đồ vật này không phải là vật chứng vụ án nên Cơ quan điều tra tách rút để xác minh, làm rõ xử lý sau.

Biển số 30Z3-3944 đăng ký chủ sở hữu mang tên Nguyễn Thị N1, địa chỉ Y1, P1, G, Hà Nội thuộc xe máy nhãn hiện Forestry, số máy 026404, số khung 026404 và biển số 30L3-3277 đăng ký chủ sở hữu mang tên Vũ Thùy L, địa chỉ 20,

Tổ 30 K72, B, Ơ, Hà Nội thuộc xe máy nhãn hiệu Yamha, số máy 155507, số khung 155506; T khai: Khoảng tháng 4/2017, T5 ở G, Hà Nội (không rõ nhân thân) đã để 02 biển số trên ở nhà T, không biết nguồn gốc; Quá trình điều tra không làm rõ được nhân thân của Nguyễn Thị N1 và Vũ Thùy L nên không làm rõ được nguồn gốc các biển số 30Z3-2944 và 30L3-3277. Các đồ vật này không phải là vật chứng vụ án nên Cơ quan điều tra tách rút để xác minh, làm rõ xử lý sau.

Bình thủy tinh chứa dung dịch không màu, T dùng làm dụng cụ sử dụng ma túy, loại methamphetamine. Căn cứ tài liệu điều tra, không đủ căn cứ xử lý Nguyễn Doãn T về hành vi Sử dụng trái phép chất ma túy. Đồ vật này không phải là vật chứng vụ án, không có giá trị sử dụng nên Cơ quan điều tra tách rút vật chứng để tiêu hủy.

Biển số 29S1-06032 thuộc xe máy nhãn hiệu Piaro, số máy 40123229, số khung 012514, đăng ký chủ sở hữu mang tên Nguyễn Phi T6 (sinh năm 1992; Hộ khẩu thường trú: X, Y, Z, Hà Nội). Khoảng đầu năm 2015, anh Nguyễn Phi Đ1 (sinh năm 1970; Hộ khẩu thường trú: X, Y. Z; là bố của T6) đã đốt hỏng hoàn toàn chiếc xe máy trên và mang biển số xe đến để ở nhà T; Chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Tiến T4 (sinh năm 1969; Hộ khẩu thường trú: thôn Ư1, U1, Ô, Phú Thọ). Khoảng đầu năm 2010, anh T4 bị rơi chứng minh nhân dân, đã xin cấp lại chứng minh nhân dân mới. Biển số 14S1-5139 (T khai: Khoảng đầu năm 2017, T nhặt được chiếc biển số trên ở đầu ngõ nhà T) là biển kiểm soát giả, vì biển kiểm soát có số này thuộc máy nhãn hiệu WaveS, số máy 1401248, số khung 650933, đăng ký chủ sở hữu mang tên Phạm Thị N4 (sinh năm 1963; Hộ khẩu thường trú: Tổ 4, Khu 1, V2, L1, Quảng Ninh), hiện bà Phạm Thị N4 đang sử dụng. Cơ quan điều tra tách rút vật chứng, bàn giao Phòng cảnh sát giao thông – Công an TP Hà Nội; Phòng cảnh sát quản lý hành chính trật tự xã hội – Công an tỉnh Phú Thọ và Phòng cảnh sát giao thông – Công an tỉnh Quảng Ninh để thu hồi.

Đối với t hanh tuýp sắt dài 60cm, đường kính 02cm và thanh đao tự chế, chuôi hình hộp chữ nhật dài 70cm, lưỡi dài 38cm là vật chứng của vụ án; chiếc điện thoại di động Masster A112 màu đỏ, kèm sim số thuê bao 0961.937.063 là tài sản của V; chiếc điện thoại Iphone, màu trắng, ốp viền màu đen của T sử dụng vào việc phạm tội đã chuyển Tòa án nhân dân huyện Đông Anh giải quyết.

Về phần dân sự: Quá trình điều tra, chị Nghiêm Thị T1 (sinh năm 1988; Hộ khẩu thường trú: X, Y, Z, Hà Nội; là vợ T) tự nguyện bồi thường cho Q 30 triệu đồng; chị Lê Thị Thu H (sinh năm 1972; Hộ khẩu thường trú: Thôn M, N, Z, Hà Nội; là mẹ V) tự nguyện bồi thường cho Q 10.000.000 đồng. Anh Nguyễn Hồng Q đã nhận 40 triệu đồng và yêu cầu Nguyễn Doãn T, Phạm Quốc V tiếp tục phải bồi thường 260 triệu đồng bao gồm tiền chi phí , thuốc điều trị , tiền mất thu nhập của

bản thân, tiền giảm sút lao động và tổn hại tinh thần, tiền mất thu nhập của người chăm sóc và tiền đi lại trong thời gian điều trị.

Tại phiên tòa: Các bị cáo Nguyễn Doãn T và Phạm Quốc V khai nhận các hành vi phạm tội như cáo trạng đã nêu. Bị cáo T xác định: Bị cáo bị Q đánh ở nhà vào ngày 30/9/2017 nhưng không trình báo cơ quan công an vì nghĩ giữa T và Q có quan hệ anh em xã hội nên chỉ định sẽ gặp mặt Q sau và nói chuyện phải trái. Khi đến nhà K1 đứng ngoài cổng nghe thấy Q nói chuyện trong nhà về việc va chạm với T hôm trước và có những lời lẽ xúc phạm mình thì tức giận nên ra đường từ thôn Đ, xã P đi về Y để chờ Q đi qua. Khi Q đi qua T chạy ra chặn đầu xe để bảo Q đứng lại nói chuyện nhưng Q rồ ga chạy nên T dùng tuýp sắt vụt theo. Khi vụt Q, T không chí định vụt vào vị trí nào cụ thể nên sau khi thấy Q ngã đi về qua chỗ Q nằm thấy máu chảy ra ở đầu thì mới biết Q bị thương ở đầu. Bị cáo nhận thấy mình đã vi phạm pháp luật và gửi lời xin lỗi đến người bị hại về hành vi của mình. Về phần bồi thường dân sự bị cáo đã bồi thường một phần cho anh Q nếu theo pháp luật còn thiếu bao nhiêu bị cáo sẽ tiếp tục bồi thường đủ cho anh Q.

Bị cáo V xác định: T bảo với V đi đến nhà K1 gặp Q để nói chuyện về việc va chạm của T và Q hôm trước nhưng không nói là rủ đi đánh nhau, tuy nhiên khi đi T mang theo tuýp sắt và đao tự chế nên V tự hiểu là sẽ có đánh nhau nhưng vẫn đồng ý đi cùng. Khi đứng chờ Q ở trên đường từ thôn Đ, xã P đi về Y V có rủ Tđi về nhưng T không đồng ý nên V vẫn ngồi lại chờ Q cùng T. V không trực tiếp gây ra thương tích cho Q mà chỉ ngồi chờ và đi về cùng T. Bị cáo nhận thấy mình đã vi phạm pháp luật và gửi lời xin lỗi đến người bị hại về hành vi của mình. Về phần bồi thường dân sự bị cáo đã bồi thường một phần cho anh Q nếu theo pháp luật còn thiếu bao nhiêu bị cáo sẽ tiếp tục bồi thường đủ cho anh Q.

Người bị hại anh Nguyễn Hồng Q xác định: Anh nhất trí với lời khai của các bị cáo về diễn biến sự việc và mẫu thuẫn giữa anh và T vào ngày 30/9/2017. Khi xảy ra sự việc anh bị Tn, V chặn đánh do đường tối chỉ có đèn pha xe máy của anh nên anh chỉ nhìn thấy có người chạy ra chặn đầu xe và nhận ra là T nên bỏ chạy và biết mình bị T vụt vào người nhưng không rõ bị vào đâu, sau đó bị ngã ra đường bất tỉnh. Khi tỉnh dậy anh gọi điện cho người nhà và tự đi xe về nhà anh K1 vào sân thì bất tỉnh và được đưa đi cấp cứu. Anh đã nhận số tiền 40.000.000 đồng bồi thường từ gia đình các bị cáo và tiếp tục yêu cầu các bị cáo bồi thường thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm cho anh. Đối với phần dân sự: Anh xin rút yêu cầu chi phí mổ lần hai do anh chưa tiến hành mổ và cũng không cung cấp được chỉ định của bác sĩ về việc mổ lần hai cho Tòa án. Các chi phí khác cho thiệt hại của anh do sức khỏe bị xâm hại anh đề nghị Tòa án tính toán và giải quyết cho anh theo quy định của pháp luật. Về phần trách nhiệm hình sự của các bị cáo: Anh đề nghị giảm nhẹ

trách nhiệm hình sự cho các bị cáo đến mức thấp nhất có thể và việc anh đề nghị giảm nhẹ cho các bị cáo là hoàn toàn tự nguyện.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị N1 trình bày: Chị là người chăm sóc anh Q trong suốt thời gian anh ở viện và sau khi ra viện do thấy anh còn yếu nên chị nghỉ làm thêm 15 ngày nữa để chăm sóc anh. Tuy nhiên chị không có chứng cứ về việc nghỉ làm chăm sóc anh Q sau khi ra viện để giao nộp cho Tòa án. Về phần dân sự chị nhất trí với yêu cầu của anh Q, không có yêu cầu gì khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nghiêm Thị T1 và chị Lê Thị Thu H cùng trình bày: Các chị được chồng và con mình nhắn nhờ thực hiện việc bồi thường cho người bị hại và các chị tự nguyện thực hiện việc bồi thường thay cho chồng và con mình chỉ mong cho chồng, con mình được giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

Tại bản Cáo trạng số 10/CT-VKS ngày 24/01/2018 Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh đã truy tố các bị cáo Nguyễn Doãn T và Phạm Quốc V về tội Cố ý gây thương tích theo Điểm c Khoản 3 Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh giữ quyền công tố tại phiên toà, sau khi phân tích nội dung, tính chất của vụ án, một lần nữa khẳng định việc truy tố bị cáo về tội danh và điều luật như Cáo trạng đã nêu là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng Điểm c Khoản 3 Điều 134, Điểm b, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt:

Nguyễn Doãn T : Từ 06 (Sáu) năm đến 07 (bảy) năm tù.

Phạm Quốc V: Từ 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng đến 06 (sáu) tháng tù.

Về phần dân sự: Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật và buộc các bị cáo bồi thường cho anh Q các chi phí sau: Chi phí thuốc men, viện phí, chi phí điều trị thương tích là: 20.115.904 đồng.

Chi phí bồi dưỡng sức khỏe của anh Nguyễn Hồng Q là 5.000.000 đồng.

Tiền mất thu nhập của anh Nguyễn Hồng Q là: (08 ngày điều trị + 10 ngày nghỉ ngơi theo chỉ định của bác sĩ) x 2.400.000 đồng/ 30 ngày = 1.440.000 đồng.

Tiền mất thu nhập của người chăm sóc anh Nguyễn Hồng Q tại bệnh viện là: 08 ngày chăm sóc anh Q tại viện và 15 ngày nghỉ chăm sóc anh Q ở nhà x 5.107.400 đồng / 30 ngày = 3.915.673 đồng.

Tổn thất tinh thần của anh Nguyễn Hồng Q bằng 23 tháng lương tối thiểu là 1.300.000đồng x 23 = 29.900.000 đồng.

Tổng cộng: 60.371.577 đồng.

Về phần vật chứng:

Tịch thu tiêu hủy 01 thanh tuýp sắt dài 60cm, đường kính 02cm và 01 thanh đao tự chế, chuôi hình hộp chữ nhật dài 70cm, lưỡi dài 38cm; 01 sim số thuê bao 0961.937.063.

Tịch thu sung công quỹ nhà nước chiếc điện thoại di động Masster A112 màu đỏ là tài sản của V; chiếc điện thoại Iphone, màu trắng, ốp viền màu đen của T sử dụng vào việc phạm tội

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Khoảng 21h ngày 08/10/2017, tại thôn Đ, P, Z, Hà Nội, Nguyễn Doãn T và Phạm Quốc V có hành vi dùng tuýp sắt đánh 01 phát trúng đầu anh Nguyễn Hồng Q gây thương tích làm anh Q bị tổn hại 42% sức khỏe. Lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, các tài liệu điều tra vụ án và kết quả tranh tụng công khai tại phiên toà. Các bị cáo dùng tuýp sắt là hung khí nguy hiểm gây thương tích với tỷ lệ tổn hại sức khỏe cho anh Nguyễn Hồng Q là 42% vào ngày 08/10/2017 là trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 104 Bộ luật hình sự năm 1999, có mức hình phạt từ 05 năm đến 15 năm tù. Tuy nhiên ngày 24/01/2018, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh đã áp dụng Nghị quyết số 41/2017/QH14 theo nguyên tắc có lợi cho bị can để truy tố Nguyễn Doãn T và Phạm Quốc V về tội Cố ý gây thương tích theo Điểm c Khoản 3 Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015 với mức hình phạt từ 05 năm đến 10 năm tù là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật và chính sách hình sự của nhà nước. Do đó, đủ cơ sở kết luận: Các bị cáo Nguyễn Doãn T và Phạm Quốc V phạm tội Cố ý gây thương tích theo Điểm c Khoản 3 Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015. Tuy nhiên khi cân nhắc hình phạt đối với các bị cáo cần phân hóa vai trò của các bị cáo trong vụ án để đảm bảo tính công bằng. Bị cáo Nguyễn Doãn T là người chủ động lên kế hoạch và trực tiếp thực hiện hành vi vụt tuýp sắt vào đầu anh Q gây thương tích; Phạm Quốc V đi theo T khi được T rủ đi đánh Q, ngồi chờ Q cùng T và đi về cùng

nên vai trò của V trong vụ án chỉ là đồng phạm giúp sức, có mức độ vài trò thấp hơn so với T.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và hình phạt bổ sung: Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ xác định: Các bị cáo không phải chịu các tình tiết tặng nặng theo quy định của Bộ luật Hình sự và có tình tiết giảm nhẹ: Do các bị cáo đã bồi thường phần lớn thiệt hại cho người bị hại và tại phiên tòa vẫn xác định trách nhiệm sẽ tiếp tục bồi thường phần còn thiếu theo quy định của pháp luật cho người bị hại nên cho các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ: Tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại theo Điểm b Khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015; Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải theo Điểm s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015. Tại phiên tòa, người bị hại là anh Q có lời khai xin đề nghị giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo đến mức thấp nhất có thể nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại Khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015. Do vậy, cần áp dụng hình phạt tù tương xứng với mức độ hành vi và giảm nhẹ một phần cho các bị cáo, tiếp tục cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[4] Về phần dân sự: Quá trình điều tra người bị hại anh Nguyễn Hồng Q có lời khai và giao nộp hoá đơn, chứng từ khám chữa bệnh điều trị và yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại cụ thể như sau:

- Tiền viện phí, tiền thuốc cho hai lần mổ là 80.000.000 đồng.
- Tiền mất thu nhập của người chăm sóc cho hai lần môt là: 50.000.000 đồng.
- Tiền đi lại chăm sóc trong thời gian điều trị là: 20.000.000 đồng.
- Tiền giảm sút lao động và tổn hại sức khỏe tinh thần của Q là: 100.000.000 đồng.
- Tiền mất thu nhập của Q trong thời gian điều trị là: 50.000.000 đồng.

Tổng cộng là: 300.000.000 đồng.

Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015, Điều 590 Bộ luật Dân sự. Hành vi của các bị cáo gây thương tích cho anh Nguyễn Hồng Q xét về lỗi là do các bị cáo gây ra nên lỗi hoàn toàn là thuộc về các bị cáo. Vì vậy các khoản kê khai của người bị hại được chấp nhận đối với những chi phí có chứng từ hợp lệ và những yêu cầu hợp lý. Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ do anh Q cung cấp, cũng như các tài liệu chứng cứ khác, nhận thấy:

Đối với yêu cầu chi phí thuốc men, viện phí, chi phí điều trị thương tích là thực tế và được pháp luật quy định. Tuy nhiên chỉ chấp nhận một phần yêu cầu chi phí điều trị thương tích, giám định của anh Nguyễn Hồng Q có hoá đơn hợp lệ cụ thể: Phiếu thu của Trung tâm pháp y Hà Nội ngày 10/10/2017: 680.000 đồng; Hóa đơn bán hàng của Trung tâm pháp y Hà Nội ngày 10/10/2017: 535.000 đồng; Hóa

đơn bán hàng của bệnh viện đa khoa Xanh pôn ngày 23/10/2017: 14.222.399 đồng; Hóa đơn giá trị gia tăng số 0101451 ngày 08/10/2017 của Bệnh viện Bắc Thăng Long: 495.465 đồng; Hóa đơn giá trị gia tăng số 0101449 ngày 08/10/2017 của Bệnh viện Bắc Thăng Long: 723.000 đồng; Hóa đơn giá trị gia tăng số 0101448 ngày 08/10/2017 của Bệnh viện Bắc Thăng Long: 35.000 đồng; Hóa đơn thu tiền thuốc của Bệnh viện đa khoa Xanh pôn ngày 10/10/2017: 11.860 đồng; Hóa đơn thu tiền thuốc của Bệnh viện đa khoa Xanh pôn ngày 16/10/2017: 1.448.180 đồng; Trả thuốc của Bệnh viện đa khoa Xanh pôn ngày 16/10/2017: 655.000 đồng; Hóa đơn thu tiền thuốc của Bệnh viện đa khoa Xanh pôn ngày 08/10/2017: 1.310.000 đồng; Hóa đơn thu tiền thuốc của Bệnh viện đa khoa Xanh pôn ngày 14/10/2017: 1.310.000 đồng. Tổng cộng: 20.115.904 đồng.

Đối với yêu cầu tiền đi lại chăm sóc thì việc chăm sóc, bồi dưỡng đối với người bị thiệt hại là thực tế và được pháp luật quy định. Vì vậy chấp nhận một phần yêu cầu tiền bồi dưỡng sức khỏe của anh Nguyễn Hồng Q là 5.000.000 đồng.

Đối với yêu cầu tiền mất thu nhập của anh Nguyễn Hồng Q là có căn cứ nên chấp nhận một phần yêu cầu. Anh Q khai mình là lao động tự do thu nhập bình quân 5.000.000 đồng/ 1 tháng. Tuy nhiên theo kết quả xác minh tại địa phương thì thu nhập bình quân tại địa phương là 2.400.000 đồng/ 1 người/ 1 tháng. Do vậy xác định mức tiền mất thu nhập của anh Nguyễn Hồng Q là 2.400.000 đồng/01 tháng và tiền mất thu nhập cụ thể là: (08 ngày điều trị + 10 ngày nghỉ ngơi theo chỉ định của bác sĩ) x 2.400.000 đồng/ 30 ngày = 1.440.000 đồng.

Đối với yêu cầu tiền mất thu nhập của người chăm sóc anh Nguyễn Hồng Q tại bệnh viện là có căn cứ nên chấp nhận một phần theo yêu cầu. Theo Phiếu thanh toán lương của 05 tháng lương liền kề trước khi xảy ra sự việc của chị Nguyễn Thị N1 (vợ anh Q) thì mức lương trung bình một tháng của chị N1 là: 5.107.400 đồng. Về số ngày chị N1 phải nghỉ làm để chăm sóc anh Q, chị khai ngoài 08 ngày anh Q điều trị tại bệnh viện thì sau khi ra viện chị nghỉ thêm 15 ngày để chăm sóc anh nhưng không có tài liệu, chứng cứ về việc nghỉ làm này nên chỉ chấp nhận cho chị N1 nghỉ làm trong thời gian 08 ngày anh Q điều trị tại bệnh viện và 10 ngày theo chỉ định của bác sĩ cho anh Q nghỉ ngơi, tổng cộng là 18 ngày. Do đó thu nhập thực tế của chị N1 bị mất là: 18 ngày x 5.107.400 đồng / 30 ngày = 3.064.440 đồng.

Đối với yêu cầu tổn thất tinh thần của anh Nguyễn Hồng Q là có căn cứ nên chấp nhận một phần bằng 23 tháng lương tối thiểu là 1.300.000đồng x 23 = 29.900.000 đồng.

Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên toà người bị hại không xuất trình được các chứng cứ thể hiện việc chỉ định của bác sỹ về việc mổ lại và dự kiến chi

phí cho việc mổ lại và tại phiên tòa người bị hại đã rút yêu cầu đối với chi phí mổ lần hai do vậy không tính chi phí mổ lần hai là phù hợp quy định của pháp luật.

Tổng cộng các yêu cầu của anh Nguyễn Hồng Q được chấp nhận là: 59.520.344 đồng.

Bị cáo Nguyễn Doãn T đã bồi thường cho anh Nguyễn Hồng Q số tiền 30.000.000 đồng, bị cáo Phạm Quốc V đã bồi thường cho anh Nguyễn Hồng Q số tiền 10.000.000 đồng. Do vậy cần buộc các bị cáo bồi thường tiếp cho anh Nguyễn Hồng Q số tiền là: 19.520.344 đồng với kỷ phần cụ thể như sau: Bị cáo Nguyễn Doãn T bồi thường cho anh Q số tiền 12.000.000 đồng, bị cáo Phạm Quốc V bồi thường 7.520.344 đồng.

[5] Về vật chứng vụ án: Theo quy định tại Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy 01 thanh tuýp sắt dài 60cm, đường kính 02cm và 01 thanh đao tự chế, chuôi hình hộp chữ nhật dài 70cm, lưỡi dài 38cm; 01 sim số thuê bao 0961.937.063. Tịch thu sung công quỹ nhà nước chiếc điện thoại di động Masster A112 màu đỏ là tài sản của V; chiếc điện thoại Iphone, màu trắng, ốp viền màu đen của T sử dụng vào việc phạm tội

[6] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Doãn T và Phạm Quốc V phạm tội "Cố ý gây thương tích".

Căn cứ Điểm c Khoản 3 Điều 134, Điểm b, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015; Điểm b Khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14.

Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 106, Điều 136, 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 468, Điều 590 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Xử phạt: Nguyễn Doãn T 06 (sáu) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 11/10/2017.

Phạm Quốc V 05 (năm) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 09/10/2017.

Về phần dân sự: Buộc các bị cáo Nguyễn Doãn T và Phạm Quốc V phải bồi thường thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm cho anh Nguyễn Hồng Q là: 59.520.344

đồng (Năm mươi chín triệu, năm trăm hai mươi nghìn, ba trăm bốn mươi tư đồng) nhưng được trừ vào số tiền 40.000.000 đồng gia đình các bị cáo đã bồi thường cho anh Nguyễn Hồng Q. Các bị cáo còn phải bồi thường cho anh Nguyễn Hồng Q số tiền là: 19.520.344 đồng với kỷ phần cụ thể như sau: Bị cáo Nguyễn Doãn T bồi thường cho anh Q số tiền 12.000.000 đồng (Mười hai triệu đồng), bị cáo Phạm Quốc V bồi thường 7.520.344 đồng (Bảy triệu, năm trăm hai mươi nghìn, ba trăm bốn mươi tư đồng).

Trong thời hạn 5 năm kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền ra quyết định thi hành án.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại Khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Tịch thu tiêu hủy 01 thanh tuýp sắt dài 60cm, đường kính 02cm và 01 thanh đao tự chế, chuôi hình hộp chữ nhật dài 70cm, lưỡi dài 38cm; 01 sim số thuê bao 0961.937.063. Tịch thu sung công quỹ nhà nước chiếc điện thoại di động Masster A112 màu đỏ là tài sản của V; chiếc điện thoại Iphone, màu trắng, ốp viền màu đen của T. (Tình trạng vật chứng như Biên bản bàn giao ngày 28/01/2018 giữa Công an huyện Đông Anh và Chi cục thi hành án dân sự huyện Đông Anh).

Bị cáo Nguyễn Doãn T phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 600.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm để sung công quỹ Nhà nước.

Bị cáo Phạm Quốc V phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 376.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm để sung công quỹ Nhà nước.

Án xử công khai sơ thẩm, bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chỉ có quyền kháng cáo về phần mình có liên quan trong vụ án./.

Nơi nhận:
- VKS ND huyện Đông Anh;
- Công an huyện Đông Anh;
- Trại tạm giam số I Hà Nội;
- Cơ quan Thi hành án hình sự;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Anh;
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Thu Thanh